

Bản án số: 50 /2018/ HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2018.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Phạm Đình Thìn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà
án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát
viên.

Trong ngày 30/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2018/TLST- HNGĐ ngày
14/03/2018 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 120/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/07/2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1992.

ĐKKHKT: thôn 14, , xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

Bị đơn: Chị Nông Thị Nh, sinh năm 1989;

ĐKKHKT: thôn 14, , xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn
anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Nông Thị Nh có tổ chức đăng ký kết hôn
vào ngày 09/9/2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới
vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ
chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn,
nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, trong công
việc làm ăn, vợ chồng hay cãi nhau, có đánh nhau, vợ chồng không còn quan
tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay thấy
tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị
Nh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Mai U, sinh ngày
12/03/2014, hiện nay con đang ở với chị Nh. Vợ chồng ly hôn thỏa thuận để
chị Nh tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nông Thị Nh trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã B, quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn to tiếng, đánh nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay, nay anh H xin ly hôn chị đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Mai U, sinh ngày 12/03/2014, hiện nay con đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do chị Nh vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Nông Thị Nh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của anh H: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Nông Thị Nh.

Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Nh nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Mai U, sinh ngày 12/03/2014.

Về án phí: Anh H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Trần Văn H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có Hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện Lạng Giang và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nông Thị Nh có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2013 tại UBND xã B, huyện C. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị Nh là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của anh H về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của 02 vợ chồng, phù hợp với lời khai của chị Nh. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi nhau, anh H có đánh chị Nh vợ chồng hiện nay đã ly thân. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn đề nghị được ly hôn, chị Nh cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng có đánh cãi chửi nhau, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho anh H được ly hôn với chị Nh.

[5]. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị Nh có con chung là Trần Mai U, sinh ngày 12/03/2014, hiện nay con đang ở với chị Nh, con vẫn còn nhỏ chưa đủ 7 tuổi, anh H và chị Nh cũng thống nhất và có ý kiến để chị Nông Thị Nh tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, để cháu có môi trường sinh sống lành mạnh, ổn định cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cho chị Nông Thị Nh nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Mai U, sinh ngày 12/03/2014 là phù hợp.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H, chị Nh có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Nh và anh H đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H, chị Nh đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Nông Thị Nh.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Nh nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Trần Mai U, sinh ngày 12/03/2014.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H, chị Nh có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004349 ngày 13/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

